TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2022/DS-ST
Ngày: 12/7/2022
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Anh Dũng.

Ông Lê Văn Lành.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện Viểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 44/2022/TLST-DS ngày 24/01/2022, về việc "Tranh chấp vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 646/2022/QĐST-DS ngày 21/6/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1942.

Địa chỉ: T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hữu B, sinh năm 1992.

Địa chỉ: đường V, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Văn bản ủy quyền ngày 18/11/2021.

- *Bị đơn:* 1. Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1956.

2. Bà Trương Thị N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: tổ 20 B2, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(ông B có đơn xin vắng mặt; ông Đ, bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Đ, bà N vay tiền của bà T từ khoảng đầu năm 2019, khi vay thì vừa vay vừa trả với số tiền nhỏ, các bên khi vay thỏa thuận không tính lãi và không xác định thời hạn thanh toán. Việc vay tiền không làm văn bản mà bà T chỉ ghi lại trong sổ theo dõi của bà T. Đến tháng 10/2020 ông Đ, bà N ngừng thanh toán tiền vay cho bà T nên các bên có lập giấy mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 30/10/2020 xác định số tiền ông Đ, bà N còn nợ bà T đến thời điểm này là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng). Tại giấy mượn tiền ông Đ, bà N đồng ý thanh toán 280.000.000đ nợ gốc cho bà T và trả lãi theo lãi suất ngân hàng. Tuy nhiên, từ đó tới nay ông Đ, bà N không thanh toán tiền cho bà T được lần nào. Bà T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Đ, bà N thanh toán tiền nhưng ông Đ, bà N vẫn không thanh toán. Việc yêu cầu thanh toán nợ là bà T liên hệ gặp trực tiếp với ông Đ, bà N.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ, bà N thanh toán cho bà T số tiền nợ là 280.000.000đ không yêu cầu tính lãi, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Thị N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T, buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Thị N phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 280.000.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Đ, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ, bà N phải trả số tiền đã vay theo giấy mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 30/10/2020. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ cư trú thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc giải quyết vắng mặt các đương sự: Ông Phạm Hữu B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Thành Đ, bà Trương Thị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Bùi Thị T yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành Đ, bà Trương Thị N phải trả cho bà tổng số tiền vay là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 30/10/2020 có chữ ký của ông Đ, bà N.

Xét thấy, ông Nguyễn Thành Đ, bà Trương Thị N nhiều lần có quan hệ vay mượn tiền với bà Bùi Thị T. Đến ngày 30/10/2020, các bên đã chốt lại số tiền nợ là 280.000.000đ có chữ ký xác nhận của bà T, ông Đ, bà N. Việc vay tiền các bên không thỏa thuận lãi và thời hạn thanh toán. Bà T đã yêu cầu ông Đ, bà N thanh toán tiền cho bà T nhưng đến nay ông Đ, bà N vẫn không thực hiện. Tại giấy vay tiền có người làm chứng là ông Trương Văn S, tuy nhiên bà T khai chỉ biết ông S là anh họ của bà N mà không biết địa chỉ của ông S. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh địa chỉ của ông Đ, bà N và được Công an phường H cung cấp thông tin: hiện ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Thị N đang sinh sống tại địa chỉ tổ 20B2, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Đ, bà N đến Tòa làm việc, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ, bà N vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện niêm yết đơn khởi kiện, giấy mượn tiền giữa bà T, ông Đ, bà N, đề nghị ông Đ, bà N có ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp thông tin người làm chứng ông Trương Văn S nhưng ông Đ, bà N cũng không có ý kiến.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015, đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý. Sau khi lập giấy mượn tiền và cam kết trả nợ ngày 30/10/2020, bà T đã yêu cầu ông Đ, bà N thanh toán nợ nhưng ông Đ, bà N không thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc ông Đ, bà N thanh toán cho bà T số tiền đã vay 280.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, bà T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.000.000 đồng (280.000.000đ x 5%). Bà T được miễn tạm ứng án phí.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2, khoản 3 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 469 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với bị đơn ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Thị N.

1. Buộc ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bùi Thị T số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Thành Đ và bà Trương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND TP. Biên Hòa;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- CCTHADS TP. Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Thanh Thủy